TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DSPT
Ngày: 28-3-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đức Hào

Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT-DS ngày 06-01-2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo các quyết định: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐ-PT ngày 07-3-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt);
Địa chỉ: Số A đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Bị đơn*:** Ông Lê Trọng H, sinh năm 1958 (có mặt);
Địa chỉ: Số C đường N, Phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958 (có mặt).
Địa chỉ: Số C đường N, Phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).
Địa chỉ: Số A đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Trọng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, ông Lê H ký vay tiền của ông Hoàng Văn Đ nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng vay nợ ngày 09/11/2015: vay 180.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 5%/tháng.

+ Giấy vay nợ ngày 19/09/2015: 250.000.000đ, không ghi rõ thời hạn vay và lãi suất.

+ Giấy vay 28/05/2015 vay 200.000.000đ, không ghi rõ thời hạn vay và lãi suất..

+ Giấy vay 30/05/2017 vay 160.000.000đ, không ghi rõ thời hạn vay và lãi suất.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định: Người ký tên "Lê H" trong các giấy vay chính là ông Lê Trọng H – người đang bị khởi kiện trong vụ án.

Ông Đ xác nhận vào ngày 27/6/2020 và ngày 29/06/2020 bà T2 đã trả cho ông H số tiền 400.000.000đ. Số tiền bà T2 trả ông Đ xác định trả cho 02 khoản vay ngày 28/5/2015 và ngày 30/5/2017 (160 gốc + 40 triệu lãi/4 năm) .

Theo đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu ông Lê H trả lại ông Đ số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng vay nợ ngày 09/11/2015 là 180.000.000đ. Yêu cầu ông H trả tiền lãi suất của số tiền đã vay trên với thời gian được tính là 65 tháng (từ 01/01/2016 đến 31/05/2021) là 1/% = 180.000.000đ x 1% x 65 tháng = 117.000.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi, ông H phải trả cho ông Đ là: 180.000.000đ + 117.000.000đ = 297.000.000đ. Ngày 28/4/2022 ông Đ đã làm Đơn rút 1 Phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xử lý: Cụ thể ông Đ rút phần yêu cầu về Lãi suất từ 01/01/2016 đến 31/05/2021) là 1/% = 180.000.000đ x 1% x 65 tháng = 117.000.000đ.

- Nay ông Đ yêu cầu ông Lê Trọng H trả phần tiền gốc đã vay theo Giấy cho vay ngày 09/11/2015 là 180.000.000đ.

Bị đơn ông Lê Trọng H trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa:

Ông Lê Trọng H xác nhận trong quá trình làm ăn, ông có vay tiền của ông Đ nhiều lần. Trong đó vào ngày 09/11/2015, ông và ông Đ có ký hợp đồng vay tiền để vay số tiền 180.000.000đ, với lãi suất 5%/tháng. Ông cũng khẳng định toàn bộ giấy vay ông Đ cung cấp là chữ ký và chữ viết của ông, ông thường ký tắt là "Lê H". Đây là khoản tiền ông đứng ra ông vay hộ ông L, hiện nay đã bỏ trốn.

Sau khi vay tiền xong, ông đã thanh toán cả gốc và lãi cho ông Đ bằng tiền mặt, đến năm 2019 còn lại số tiền gốc là 100.000.000đ nhưng ông Đ tính lãi thành 200.000.000đ, sau đó vào ngày 27/6/2020 vợ ông là Nguyễn Thị T2 đã trả cho ông Đ số tiền 200.000.000đ nhưng không lấy lại giấy vay. Do đó hiện nay ông không còn nợ ông Đ khoản vay nào.

Ông không cung cấp được chứng cứ ông đã thanh toán cho ông Đ cũng như chứng cứ liên quan đến việc ông đứng ra vay hộ ông L.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày**:

Bà T2 là vợ ông Lê Trọng H, giữa ông H và ông Đ vay mượn như thế nào bà hoàn toàn không hay biết. Vào ngày 12/7/2019, ông Đ có nhắn tin và chụp giấy ông H vay tiền nhưng bà không đồng ý trả. Sau đó vì lo lắng việc vay nợ sẽ ảnh hưởng đến việc kinh doanh của gia đình nên bà đã đồng ý trả tiền cho ông H. Vào

ngày 27/6/2020, bà đã gọi ông Đ đến để trả hết tiền cho ông H. Ông Đ nói với bà chỉ trả 200.000.000đ là hết, từ nay em sẽ không bao giờ gọi anh H nữa". Do sơ suất bà không lấy lại giấy vay tiền. Bà đề nghị Tòa án xem xét năm 2020 bà đã trả hết tiền nhưng ông Đ lại đòi tiền năm 2015 là không phù hợp.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày**: Bà là vợ ông Hoàng Văn Đ, số tiền 180.000.000đ ông Đ yêu cầu ông H trả là tiền làm ăn riêng của ông Đ, không liên quan đến bà và bà không có ý kiến gì đối với số tiền này. Bà đề nghị được Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V đã tuyên xử: Áp dụng Điều 26, Điều 35; Điều 92; Điều 95; Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ: Điều 466; Điều 467 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản":

Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn Đ số tiền gốc là 180.000.000đ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi phát sinh là 117.000.000đ của ông Đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả; án phí; quyền kháng cáo và thời hạn thi hành bản án theo quy định.

Ngày 15-6-2022, ông H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Đ và ông H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án theo Biên bản làm việc ngày 20-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28-3-2023: Ông Đ và ông H thống nhất vẫn giữ nguyên nội dung thỏa thuận tại Biên bản làm việc ngày 20-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cụ thể:

- Vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Văn Đ 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

- Về phương thức trả nợ: Mỗi tháng, vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho ông Hoàng Văn Đ 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào ngày 15 dương lịch hàng tháng. Trường hợp nếu vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 không thực hiện đúng phương thức trả nợ nêu trên thì ông Hoàng Văn Đ được quyền yêu cầu thi hành án đối với số tiền còn lại.

Kể từ ngày ông Hoàng Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Hợp đồng cho vay tiền được ký kết giữa ông Hoàng Văn Đ với ông Lê H vào ngày 09-11-2015 đã được giải quyết xong, không còn giá trị pháp lý.

- Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Ông Hoàng Văn Đ tự nguyện nộp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Trọng H tự nguyện nộp.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát**:

[1]. Việc tuân thủ pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và ông H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và ông H thống nhất giữ nguyên nội dung thỏa thuận tại Biên bản làm việc ngày 20-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Xét sự thỏa thuận của ông Đ và ông H là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sửa án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V như sau:

[1]. Về nội dung thỏa thuận của các đương sự:

Vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Văn Đ 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Về phương thức trả nợ: Mỗi tháng, vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho ông Hoàng Văn Đ 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào ngày 15 dương lịch hàng tháng. Trường hợp nếu vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 không thực hiện đúng phương thức trả nợ nêu trên thì ông Hoàng Văn Đ được quyền yêu cầu thi hành án đối với số tiền còn lại.

Kể từ ngày ông Hoàng Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng ông Lê Trọng H bà Nguyễn Thị T2 phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất được quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Hợp đồng cho vay tiền được ký kết giữa ông Hoàng Văn Đ với ông Lê H vào ngày 09-11-2015 đã được giải quyết xong, không còn giá trị pháp lý.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn Đ phải nộp 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), khấu trừ vào 7.425.000đ (Bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Hoàng Văn Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001350 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, do đó ông Hoàng Văn Đ được hoàn trả lại 2.925.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001350 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

[2.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Trọng H được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm do ông Lê Trọng H là người cao tuổi có Đơn xin miễn nộp án phí, tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 3 năm 2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP. V;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Vỹ **Đặng Đức Hào** **Nguyễn Thị Quang**